

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 10

MỤC LỤC

Đời thứ mười hai, dưới đời Thiền sư Đại Giác.

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư ở Đầu tử, có chín vị:

1. Thiền sư Đạo Giai ở Phù dung
2. Thiền sư Báo Ân ở Đại hồng
3. Thiền sư Vân ở Động sơn
4. Thiền sư Văn ở Phước ứng
5. Thiền sư Đàm Quảng ở Long bàng (năm vị trên hiện có ghi

lục)

6. Thiền sư Tường ở Quang hóa
7. Thiền sư Tiêu ở Phổ hiền
8. Thiền sư Thiệu ở Diên hồng
9. Thị giả Quả (bốn vị trên hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hạo ở Ngọc tuyến, có hai vị:

1. Thiền sư Văn Khánh ở Lâm Khê (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Hy Triệu ở Bắc thiên (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuân ở Giáp sơn, có một vị:

1. Thiền sư Tri tín ở Phước xương (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nguyên ở Phật Ấn, có hai mươi vị:

1. Thiền sư Tịnh Ngộ ở Khánh thiện
2. Thiền sư Tuệ Thái ở Thiệu quyền
3. Thiền sư Đức Cơ ở Sùng phước
4. Thiền sư Hoài Cát ở Bảo lâm
5. Thiền sư Tông Tú ở Tư phước

6. Thiền sư Huệ Không ở Thúy nham
7. Thiền sư Đức Phổ ở Mật nham
8. Thiền sư Trọng Hòa ở Vân cư
9. Thiền sư Ấu Tông ở Đồng an
10. Thiền sư Cư Nhạc ở Long hưng
11. Thiền sư Tử Chương ở Vạn sam
12. Thiền sư Đức Diên ở Nga hồ (mười hai vị hiện có ghi lục)
13. Thiền sư Đạo Dụng ở Văn Thù
14. Thiền sư Tổ Liêm ở Quy phong
15. Thiền sư Dĩ Thâu ở An quốc
16. Thiền sư Viên Đồng ở Đông thiên
17. Thiền sư Huệ Kha ở Bắc tháp
18. Thiền sư Khai ở Hương nghiêm
19. Thiền sư Tông ở Đại biệt
20. Thiền sư Tư Văn ở Vân cư (tám vị trên hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Yếu ở Quảng nhân, có hai vị:

1. Thiền sư Như Xán ở Diệu phong (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Hộp Tri ở Giám sơn (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dật ở Trí hải, có mười một vị:

1. Thiền sư Chí Nhân ở Hoàng nghiêm
2. Thiền sư Đức Long ở Đại trung
3. Thiền sư Trọng Dự ở Bạch lộc
4. Cư sĩ Thiêm phán Lưu Kinh Thần (bốn vị trên hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Trọng Ngôn ở Tiến phước
6. Thiền sư Phóng ở Bạch vân
7. Thiền sư Trí Chánh ở Hưng phước
8. Thiền sư Nghiêm ở Tiến phước
9. Thiền sư Thế Như ở Phụng sơn
10. Thiền sư Bất ở Song phong
11. Thiền sư Giác ở U nhạc (bảy vị trên hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Long ở Chi đề, có ba vị:

1. Thiền sư Huyền Bản ở Linh ẩn (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Văn Hàn ở Chi đề

3. Thiên sư Huyền Thuận ở Linh ẩn (hai vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Duy Tố ở Tịnh độ, có một vị:

1. Thiên sư Duy Chính ở Tịnh độ (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Thù ở Bảo lâm, có một vị:

1. Thiên sư Dụng Minh ở Bảo lâm (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Tông ở Động sơn, có một vị:

1. Thiên sư Hiếu Tuyên ở Định phong (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Ngộ ở Pháp vương, có ba vị:

1. Thiên sư Mật ở Ngũ phong

2. Sơn chủ Đại Hòa

3. Hòa thượng Tuệ Nhật (ba vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Tiên ở Hưng hoa, có ba vị:

1. Thiên sư Dĩ Vị ở Nam đài

2. Thiên sư Thường Tuyển ở Hoa dước

3. Thiên sư Phân ở Sùng thọ (ba vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Nột ở Viên thông, có ba vị:

1. Thiên sư Trí Dục ở Hưng quốc

2. Thiên sư Dật ở Tứ tổ

3. Thiên sư Văn Tiên ở Tam tổ (ba vị trên hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Tiên ở Tịnh chúng, có một vị:

1. Thiên sư Thiện Trân ở Long phước (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư An ở Thụy lộc, có hai vị:

1. Thiên sư Uẩn Nhân ở Thụy lộc

2. Thông Phán Diêu... (hai vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Thiêm ở Bát-nhã, có một vị:

1. Thiên sư Long Nhất ở Bát-nhã (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiên sư Tiên ở Thụy lộc, có một vị:

1. Thiền sư Như Trú ở Thụy lộc (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khảng ở Trí giả, có một vị:

1. Thiền sư Thiệu Trung ở Trí giả (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dĩ ở Song lâm, có một vị:

1. Thiền sư Lai ở Phong kiều (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hiển ở Trúc viên, có hai vị:

1. Thiền sư Ngư Tâm - Đạo Chấn ở Quảng an

2. Thiền sư Thủ Chân ở Hương thủy (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuân ở Đại thừa, có bốn vị:

1. Thiền sư Cảnh Tĩnh ở Long sơn

2. Thiền sư Sùng ở Song trì

3. Thiền sư Dụng Thuần ở Trúc lâm

4. Thiền sư Trí Thường ở Trí môn (bốn vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thư tòa ích, có một vị:

1. Trương thư Lý Lâm Tông (hiện không ghi lục).

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIÊN SƯ Ở ĐẦU TỬ.

1. Thiền sư Đạo Giai ở Phù dung.

Thiền sư Đạo Giai ở Phù dung, vốn người dòng họ Thôi ở Nghi thủy, Nghi châu Sư là người ngang cứng, từ thuở thiếu thời đã bỏ ăn học Đạo, ẩn dật trong Dương sơn, sau Vân du đến Kinh đô ghi danh ở chùa Thuật đài, thí khảo sở học, bèn được độ xuất gia thọ giới Cụ túc, đến bái yết Thiền sư ở Hoa nghiêm, đến Hải hội ở Hoài sơn thưa hỏi: “Câu lời Phật Tổ như ở nhà thường uống trà ăn cơm, ngoài điều ấy ra còn có câu lời làm người hay không?” Thiền sư đáp: “Ông nói trong nước nhà có sắc lệnh của Thiên tử, lại còn có nường giá Võ Thang, Nghiêu Thuấn nữa không?” Sư phỏng nghĩ muốn đáp đó. Thiền sư bèn nắm cây phát trần lay lay, bảo: “Ông phát ý sớm lại, có hai mươi cây vậy”. Ngay lời nói đó, Sư bèn tỏ ngộ ý chỉ, bèn lễ bái mà đi. Thiền sư gọi “Hãy trở lại đây”. Sư cũng chẳng trông nhìn lại. Thiền sư hỏi: “Ông đến nơi không nghi ngờ ư?” Sư đưa tay bít lỗ tai. Về sau, Sư trông coi công việc

đại chúng ăn uống. Thiền sư hỏi: “Câu công việc nhà trù đáng rất khổ ư?” Sư đáp: “Không dám”. Thiền sư hỏi: “Ông nấu cơm hay nấu cháo vậy?” Nhân công vo gạo nhóm lửa, hành giả nấu cháo nấu cơm”. Lại hỏi: “Còn ông làm gì?” Sư đáp: “Xin Hòa thượng từ bi tạm cho nhàn nghĩ”. Sư lại thường theo Thiền sư rảo bước quanh vườn. Thiền sư đưa cây gậy cho Sư và bảo: “Với lý hợp cùng ư?” Sư đáp: “Cùng Hòa thượng nâng giày nắm gậy chẳng là việc ngoài phận sự?” Thiền sư hỏi: “Có đồng đi ư?” Sư đáp: “Một người nào chẳng thọ giáo?” Thiền sư bèn dừng nghĩ. Đến chiều, Thiền sư bảo: “Từ sáng sớm đến đây nói câu thoại chưa xong”. Sư thưa: “Lại xin nên xem”. Thiền sư bảo: “Mèo sinh mặt nhật, chó sinh mặt nguyệt (buổi sáng giờ mao mặt nhật xuất hiện, buổi tối giờ tuất mặt nguyệt tỏ sáng)”. Sư liền châm đèn mang đến. Thiền sư lại bảo: “Trên đến dưới di đều là chẳng không vậy?” Sư đáp: “Tại chung quanh lý hợp như thế”. Thiền sư bảo: “Tôi trai tố gái con nhà ai ở trong phòng không trả lời?” Sư đáp: “Hòa thượng tuổi lớn, thiếu đó không thể được”. Thiền sư lại hỏi: “Cùng gì ân cần?” Sư đáp: “Báo ân có phần”.

Năm Nguyên Phong thứ năm (1081) thời Bắc Tống, theo hướng Bắc, Sư trở về lại Nghi châu, ở núi Mã yên, và bèn xuất hiện giữa đời giảng truyền giáo pháp. Mới đầu, Sư đến Tiên động thuộc Nghi châu. Về sau, Sư chuyển dời về Chiêu đề, Long môn thuộc Tây lạc, lại chuyển dời đến ở Đại dương thuộc Dĩnh châu, Đại hồng thuộc Tỳ châu, đều là một thời Sư vang danh, các hàng công khanh khuyến thỉnh, phong hóa của động Thượng dần chấn phát khắp Tây bắc.

Đến năm Sùng Ninh thứ ba (1104) thời Bắc Tống, vua Hy Tông (Triệu Cát 1101-1126) có ban sắc chiếu thỉnh mời Sư đến ở thiền viện Tịnh nhân tại Đông kinh. Qua mùa Đông năm Đại Quán thứ nhất (1107) thời Bắc Tống, Sư lại chuyển dời đến ở Thiên ninh, vua sai Trung sứ cố giữ Sư lại không hứa thuận cho Sư chối từ. Sau đó bỗng nhiên khai phủ Lý Hiếu Thọ tấu trình là: “Sư là bậc Đạo hạnh ưu việt hơn cả ở chốn Tùng lâm, nên có khen thưởng để nêu bày biểu dương đó”. Vua bèn ban tặng Sư y Tăng-già-lê sắc tía, và phong tặng Sư hiệu là “Định Chiếu Thiền sư”. Sư đốt hương cảm tạ ân xong, liền dâng tấu văn biểu xin giả từ rằng: “Cúi nhờ Thánh từ đặc sai Chương Thiện các chỉ hầu đàm Trinh, ban tặng thần hiệu là Định Chiếu Thiền sư và Pháp y sắc tía, một bức văn điệp. Thần xin cảm đội ân ban xong, tức lúc đốt hương lên tòa ngưỡng chúc Thánh thọ xong, cúi nghĩ thần hạnh nghiệp thô sơ, đạo lực mai mỏng, thường phát thệ nguyện chẳng thọ nhận danh lợi, kiên

giữ ý ấy đã được nhiều năm. Hằng mong cứ vậy truyền đạo đến tương lai, khiến người chuyên ý với Phật pháp. Nay tuy được đội ân khác quý, nếu toại nhục mao thì thân tự trái với tâm nguyện vốn có, vậy lấy gì để dạy người? Đâu thể ngưỡng xứng ý Bệ hạ vì thế mà bảo thần trú trì. Với những ân điệt trước, không dám mong cầu thọ nhận. Cúi mong Thánh từ soi xét nỗi lòng bé bỏng của thần, không dám traу chuốc ngôi từ. Bệ hạ đặc ân ban tặng càng nồng đượm thì thân chẳng có năm tháng hành đạo để dâng báo đáp ân trời!” Vua đọc xem đó rồi đem giao Lý Hiếu Thọ đích thân sang khuyến dụ Sư là ý triều đình muốn biểu dương thiện hạnh, mà Sư vẫn xác quyết tự nhiên không đoái hoài, Lý Hiếu Thọ trở về tấu trình đầy đủ, vua phát giận thân lấy giao cho Hữu Ty. Hữu Ty biết Sư là người trung thành mà vừa xúc phạm thiên oai, bèn hỏi Sư rằng: “Trưởng lão khô gầy buồn bã, phải chăng là đang cảm bệnh?” Sư đáp: “Thường ngày thì có bệnh, nhưng nay thật không bệnh”. Hữu Ty bảo: “Nói có bệnh tức đối với luật pháp được miễn tội khiển trách”. Sư đáp: “Đâu dám kiêu hãnh xưng bệnh mà mong cầu thoát khỏi tội khiển trách ư?” Hữu Ty thở dài. Từ đó, Sư nhận hình phạt mang vá cặp biên quản thúc tại Truy châu. Các hàng Đạo tục ở Đô thành trông thấy đều rơi lệ, mà Sư sắc mặt vẫn nhàn. Đến Truy châu, thuê mượn nhà để ở, các hàng học giả càng đến thân gần. Mùa Đông năm sau (1108), vua ban sắc lệnh phóng thả, khiến Sư tự tiện lập am ở trong hồ Phù dung, có cả vài trăm người vây quanh Sư nằm ngồi. Sư lo nghĩ đó là mối họa, mỗi quy định mỗi ngày mọi người chỉ ăn một bát cháo, những người không kham chịu nổi dần dần bỏ đi, số còn lại khoảng trăm vị. Đến mùa Đông năm Chánh Hòa thứ bảy (1117) vua Huy Tông ban sắc tặng biển ngạch nơi am Sư ở đề hiệu là “Hoa Nghiêm Thiên Tự”. Qua ngày 14 tháng 05 năm sau (1118), Sư không tật bệnh gì bỗng nhiên mà thị tịch. Trước lúc tịch Sư viết kệ tụng trao cho vị thị giả rằng:

*“Ta tuổi bảy mươi sáu
 Duyên đời nay đã đủ
 Sống không ham thiên đường
 Chết chẳng sợ địa ngục
 Buông tay ngang mình ngoài ba cõi
 Nhảy bay mặc tình nào bó buộc”.*

Mới đầu, Sư ở tại Đại dương, Thiên sư ở Hoa nghiêm sai Thị giả Quả đem giày da và áo trực chuyết của Thiên sư Đại dương trao cho Sư, Sư lại đem trao cho Thiên sư Đạo Vi ở Động sơn, Thiên sư Đại Vi lui nghỉ ở Chế đông, thị tịch tại chùa nhỏ Song lâm. Nay lấy đem trở về lại

núi Lộc môn, xây dựng ngôi các để tôn trí đó, gọi đó là “Tạng y”.

Sư làm kệ tụng câu cú tinh thâm rất có chỉ pháp. Sư làm năm bài kệ tụng thuật về môn phong của mình.

Bài thứ nhất, tựa đề là “Khéo xương chẳng dính lưỡi”.

*“Khấp nơi khấp chốn nói bàn cùng
Chẳng nhọc khảy tay Thiền tài tham
Không sinh cũng hiểu thông tin tức
Hoa muta trước núi, chim chẳng ngâm”.*

Bài thứ hai, tựa đề là “Rắn chết kinh hãi ra ngoài cỏ”.

*“Nắng đốt gió thổi chôn trong cỏ
Động kia hơi độc lại trái sai
Đất tối như bảo mở cửa chết
Trường an như cũ chẳng ai hay”.*

Bài thứ ba, tựa đề là “Mở làm khô cốt ngâm”.

*“Sống được trong chết là phi thường
Kín dùng người khác riêng thọ trường
Nửa đêm đầu lâu ngâm một khúc
Sông băng lửa dữ thành mát trong”.*

Bài thứ tư, tựa đề là “Cửa sắt với Tam đài”.

*“Chẳng là diệu cung thương
Ai người hòa một bài
Bá Nha liệu ở đâu
Khúc dây xưa nay dài”.*

Bài thứ năm, tựa đề là “Chẳng hỏi xưa nay”.

*“Một pháp vốn không, muôn pháp không
Trong đây ai hứa ngộ viên thông
Sao bảo Thiếu lâm tin tức mất
Đào hoa như cũ cười gió xuân”.*

Xưa trước, Sư ẩn dật cùng hổ thân gần, hổ thường nuôi dưỡng bốn con hổ con, qua hơn một tháng, Sư dòm ngó thấy hổ mẹ ra khỏi hang lén sang trông nhìn đó, mùi tanh hôi chẳng thể nói, Sư bèn trộm bắt một con mang về. Hổ mẹ săn mồi bắt được một con lợn nái kéo về đùa bỡn nằm trước hang, mừng vẫy cao đuôi, bỗng nhiên chỉ thấy ba con hổ con, hổ mẹ tức giận đưa chân nhảy cắn nơi đất gằm rống, cả đàn kim bay liệng kêu réo phía trên, Sư liền thả con hổ con Trưởng lão cho nó. Sự việc ấy, Dương Tế Hàn Thừa Nghị có làm bài thơ kệ rằng:

*“Già mển nương non việc người ít
Hổ quen am bạn quái lại chờ”*

*Xa xa thạch thất bụi trần lấp
Chẳng biết ngày nào mới trở về”.*

Lại nói:

*“Vài dặm không người đến
Núi vàng mới biết thu
Giữa hang một giấc ngủ
Quên bật trăm năm buồn”.*

2. Thiên sư Báo Ân ở Đại hồng.

Thiên sư Báo Ân ở núi Đại hồng tại Tỳ châu, vốn người dòng họ Lưu ở Lê dương đất Vệ, gia đình nhiều đời đều là những bậc thạch nho. Chưa đến tuổi hai mươi, Sư trình cử phương lược, nâng đất lên đống đạt. Sau, nhằm chán cảnh trần vào triều xin từ tạ áo dãi quan vị để xuất gia làm Tăng. Vua hứa thuận sự cầu xin đó. Sư bèn rong tâm trong Tổ đạo, đến nương tựa Thiên sư ở Đầu tử. Sau đó không bao lâu bèn được tổ ngộ tâm yếu. Thiên sư bảo: “Ông trở lại nơi đời nên khéo tự gìn giữ”. Giả từ Thiên sư, Sư đến bái yết các bậc danh túc và đều được ấn chứng. Thừa tướng Hàn Công Chấn thỉnh mời Sư đến khai giảng giáo pháp ở Thiếu lâm tại Tây kinh. Sau đó không lâu, Đại hồng thay đổi chuyên Luật thành Thiên, nhà vua ban chiếu thỉnh mời Sư đến ở đó.

Lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Năm lần năm là hai mươi lăm, căn cứ núi, chúa sấm núi mưa, nập Tăng sáng mắt chẳng dạy nêu bày. Có vị Tăng hỏi: “Với Cửu đảnh lắng sóng tức không hỏi, còn việc vi thoại vi tường là thế nào?” Sư đáp: “Xưa nay chẳng rơi lạc”. Lại hỏi: “Cái ấy tạm rút bỏ một bên, với hướng thượng lại còn có việc gì không?” Sư đáp: “Rất không chàm chán sống”. Lại hỏi: “Tác gia Tông thừa như thế nào?” Sư đáp: “Cũng chưa tiêu được”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hiểu câu thoại như thế, ai là người biết âm, ngay nhiều dưới một câu hướng có ngàn mắt chóng mở, đích xác là có mấy cái là mê gặp được Đạt-ma. Các ông cần biết Tổ sư Đạt-ma chẳng?” Và Sư đưa tay làm thế nắm, tiếp bảo: “Tổ sư Đạt-ma lỗ mũi nằm trong tay Thiếu lâm. Nếu buông mở đi, theo giáo điển phương đây trời Tây nói vàng nói đen xem thường người Hồ khinh mạn người Hán. Nếu chẳng buông qua chẳng tiêu một nắm. Có người cần cùng Tổ sư làm chủ, tiện thể xin mời ra lại cùng Thiếu lâm gặp gỡ. Có hay chẳng?”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Quả nhiên là có”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy dậy và bảo: “Thư tay ngày xưa Đức Sơn Lâm Tế nắm lại, bèn có thể ngồi dứt mười phương vách dựng cao ngàn nhận, được ngay sông băng lửa nổi, cây khô nở hoa tỏa hương. Các người nếu cũng khéo hay vác ngang

dựng đứng tươi tốt khắp hải các phương, nếu hoặc chẳng vậy thì Thiếu lâm đi ngược lệnh đây đi”. Xong, Sư gõ xuống thiền sàng một cái. Có vị Tăng hỏi: “Với một mũi tên một đàn tức không hỏi, còn một mũi tên một cái, việc ấy như thế nào?” Sư đáp: “Trúng”. Lại hỏi: “Còn có đầu mối đích xác không?” Sư đáp: “Đồng tương ứng, đồng khí tương cầu”. Lại hỏi: “Thế nào thì Thạch Củng hiện còn?” Sư đáp: “Chẳng chỉ một cái hai cái”. Lại nói: “Khéo việc chẳng như không”. Sư bảo: “Xuyên lũng liền rõ”. Lại hỏi: “Với Tam huyền tam động tức chẳng hỏi, còn ngũ vị quân thần việc ấy như thế nào?” Sư đáp: “Chẳng phải cảnh giới của ông”. Lại hỏi: “Thế nào thì người đá vỗ tay, mộc nữ cười ha?” Sư đáp: “Tiêu bốc nghe tiếng rỗng, ngũ say nhiều nói mơ”. Lại hỏi: “Nếu chẳng từ trước lại hỏi, sao có thể thấy được cơ của Thiếu lâm?” Sư đáp: “Buông qua thì chẳng thể, theo sau tiện đánh”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư đề ngang cây gậy, bảo: “Tiện cùng gì nghĩ đi đã rơi lạc vào hai ba, lại nếu đau đầu thì trọn thành Dị kiến. Đã đến trong ấy thì không thể cung gãy mũi tên - hết - Vả lại, nhà nạp Tăng xa thì hay chiếu, gần thì hay sáng”. Xong, Sư dựng cây gậy dậy, tiếp bảo: “Xuyên suốt tức lỗ mũi của Đức Sơn, kéo ngược tức tròng mắt của Lâm Tế, xóc vút ra biển lớn, đánh chuyển hư không. Hãy nói ngoài ba ngàn cõi ai là biết tiếng? Ở đó mà rõ được thì tựa như mặt nhật soi chiếu giữa trời, nếu hoặc chưa rõ thì chẳng khỏi mây bay đến mưa”. Sư gõ xuống một cái. Có vị Tăng hỏi: “Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại, chín năm ngồi xoay mặt vách tường, một câu cuối cùng như thế nào xin Sư cử xương?” Sư bảo: “Mặt đen tròng mắt bạc trắng”.

Sư từng đặt cả trăm câu hỏi để hỏi các học giả. Đại lược như là: “Giả sử trăm ngàn kiếp trôi qua nhưng các hạnh nghiệp tác tạo vẫn không mất, vậy sao nói là một xưng Nam Mô Phật, diệt tội hết trong số kiếp như hằng sa?” Sư lại vẽ tướng vòng tròn O và tiếp bảo: “Muôn hình vạn tượng tất cả tại trong đây, các Thiền nhân đầy đủ mắt sáng thử xin soi xét riêng”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm lấy cây gậy và bảo: “Xem, xem đất liền tuyết tràn lan, xuân lại khắp miền đất lạnh, Linh phong cùng với thiếu thất, liệu lác chẳng cùng đến, nghĩ luận bàn về Phật ý Tổ ý, lừa dối cho là lời ngay nói thật, trâu sắt không dấu vết, trắng tỏ Lô Hoa, ông tự xem”. Xong, Sư chống cây gậy mà xuống khỏi tòa. Sư vốn cùng Cư sĩ Vô Tận, Trương Công Thương Anh kết bạn tốt lành. Cư sĩ Vô Tận từng gửi thư hỏi Sư về Tam giáo, đại lược cốt yếu như là: “Trong Lương số quyển ba nói tà kiến ở Tây vức chẳng vượt ngoài bốn thứ kiến chấp. Nho giáo và Đạo giáo ở phương đây. Cũng

chẳng vượt ngoài bốn thứ kiến chấp ấy. Như Trang Lão tính lường tự “Nhiên làm nhân có khả năng sinh ra muôn vật”. Tức là tà kiến. Theo Chu Dịch nói: “Thái cực sinh lưỡng nghi”. Thái cực là nhân cũng là Tà nhân. Nếu cho là “một âm một dương gọi đó là Đạo”. Có khả năng sinh ra vạn vật cũng là Tà nhân. Nếu tính một (nhất) là hư không, thì là không nhân. Nay nghi ngờ thuyết “Tự nhiên” của Lão Tử và thuyết “Tự nhiên” của ngoại đạo ở Tây vực là chẳng đồng. Lấy gì để nói vậy? Lão Tử nói: “Thường không dục (ham thích) để quán xét nó thì Huyền diệu, thường có dục để quán xét nó thì ngăn che. Không dục thì thường có, ngăn che thì đã vào trong Đạo ấy vậy”. Nên gọi đó là Tà nhân. Há có nói ư? Lại nữa, Chu Dịch nói: “Một âm một dương gọi đó là đạo. Âm dương chẳng thể lường gọi đó là Thần. Thần ấy cũng huyền diệu với vạn vật mà vì nói. Vắng lặng tự nhiên bất động, cảm mà bèn thông khắp cùng thiên hạ. Nay mới phá đạo lý âm dương biến đổi là Tà nhân, đánh đi cái Thần không thể lường. Há có nói ư?” Sau khi xem đọc mong phê chỉ bày, vì muốn dứt trừ lưới nghi vậy”. Sư đáp rằng: “Các hàng ngoại Đạo ở Tây vực Tông chủ có lăm đường, cốt lõi gồm thâm không ngoài có không cửa bốn thứ kiến chấp mà thôi, nghĩa là hữu kiến, vô kiến, diệc hữu diệc vô kiến, phi hữu phi vô kiến. Bởi vì chẳng ngay Nhất tâm làm đạo thì đạo chẳng ngã hữu, nên gọi là ngoại đạo. Chẳng ngay các pháp làm tâm thì pháp tùy kiến dị nên gọi là tà kiến. Như gọi đó hữu, hữu thì hữu vô, như gọi đó vô, vô thì vô hữu, hữu vô thì hữu kiến đua tranh phát sinh, vô hữu thì vô kiến ấy khởi. Như diệc hữu diệc vô kiến, phi hữu phi vô kiến cũng như thế vậy. Phàm chẳng thể lia các kiến thì không lấy gì để tỏ sáng tự tâm. Không lấy gì để tỏ sáng tự tâm thì không biết chánh đạo. Nên trong kinh nói: “Giáo pháp nói ra bằng ngôn từ hàng tiểu trí vọng phân biệt, chẳng thể rõ tự tâm, làm sao biết chánh đạo?” Lại nói: “Hữu kiến tức là dơ bản, đây thì chưa là kiến, xa lia nơi các kiến, như vậy mới thấy Phật”. Lấy đó để luận bàn thì Tà chánh khác đường, chánh do kiến ngộ, khác đến cùng nên vậy. Nên Lương đem Trang Lão tính nói pháp Tự nhiên có khả năng sinh muôn vật. Chu Dịch cho là Thái cực sinh lưỡng nghi, một âm một dương gọi đó là đạo. Lấy tự nhiên Thái cực làm nhân. Một âm một dương là đạo, có khả năng sinh ra muôn vật thì là Tà nhân. Tính một (nhất) là hư không thì là không nhân. Thường thử luận đó, phàm ba cõi Duy tâm, muôn duyên nhất trí. Tâm sinh nên pháp sinh, tâm diệt nên pháp diệt. Suy mà rộng ra càng khắp vạn hữu mà chẳng phải có, bao gồm mà hợp đó rốt cùng tịch diệt mà chẳng không. Phi vô diệc phi phi vô, phi hữu

diệc phi phi hữu. Bến kiến chấp đã mất, trăm phi đều dứt trừ, thì tự nhiên, nhân duyên đều là hý luận, hư vô, chân thật đều là giả danh. Đến như cho rằng Thái cực âm dương hay sinh ra vạn vật, thường vô thường hữu ấy là môn của các huyền diệu. Âm dương chẳng thể lường thì gọi đó là Thần của vô phương. Tuy Thánh nhân thiết giáo khai ngộ có lắm phương. Nhưng đã khác với Nhất tâm, há chẳng là Bến kiến chấp. Lấy gì để rõ biết vậy? Bởi vì hư vô là đạo, đạo thì là vô, như tự nhiên, như Thái cực, như một âm một dương là đạo, đạo thì là hữu thường. Vô thường hữu thì là cũng vô cũng hữu, âm dương chẳng thể lường thì là phi hữu phi vô. Các bậc Tiên Nho hoặc cho là huyền diệu vạn vật thì gọi đó là Thần thì phi vật vật. Vật thì cũng là vô. Nên cái Đại luận Sư ở Tây vực đều cho quan điểm ngoài tâm có pháp là ngoại đạo, vạn pháp duy tâm là chánh tông. Bởi lấy tâm làm tông thì các kiến chấp tự mất. Nói tuy hoặc có khác nhưng chưa đủ lấy làm khác, còn ngoài tâm có pháp thì các kiến chấp đua nhau phát sinh, nói tuy hoặc đồng nhưng chưa thể lấy làm đồng. Tuy là Thánh nhân trong Nho giáo và Đạo giáo chẳng phải không biết đó, mới còn mà chẳng luận vậy. Như các hàng ngoại đạo ở Tây vực đều là Đài Quyền Bô-tát chỉ bày khai hóa điều thi thiết. Ấy chánh là đạo của Thánh nhân thuận nghịch đều là Tông, chẳng phải chỗ nghĩ lường mà có thể biết được. Nên người xưa có nói, duyên xưa chân Tông chưa đến. Khổng Tử lại lấy buộc tâm, nay biết lý có chỗ kết quy, chẳng nên như chấp quyền giáo, nhưng biết quyền ấy là quyền chưa hẳn biết quyền, biết quyền ấy là thật ấy mới là biết quyền, là cũng bản ý của các vị Chu, Khổng, Lão, Trang thiết giáo lập ngôn. Một Đại sự nhân duyên ấy mới thành thủy thành chung, thì Tam giáo Nhất tâm tuy đồng đường mà khác vết. Rốt cùng Đạo tông vẫn không ngôn thuyết. Nếu chẳng phải là đạo sĩ Duy-ma thì ai có thể biết được ý ấy”.

3. Thiên sư Vân ở Động sơn.

Thiên sư Vân ở Động sơn tại Nghi châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Gió thu cuốn đất, đêm mưa bút trời, trong đó riêng có cái trong mát không nóng bức, là kế sống của ai đạt đến, mới biết vừa rơi thấy nghe tức tại đường đi. Hãy nói sau khi về đến nhà thì như thế nào? Mặc tình riêng đi không bè bạn, chẳng ở địa vị chánh, chẳng ở một bên”.

4. Thiên sư Văn ở Phước ứng.

Thiên sư Văn ở Phước ứng tại Trường an, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Rành rành đầu trăm cỏ, rõ rõ ý Tổ sư. Ngay đây bèn tiếp nhận, lầm nhận cung làm tên, lẳng lẳng đặt dĩnh đập dĩnh, rõ ràng hòa bùn hợp nước, phát trần lông rùa bức bít hư không, chiếc gậy sừng hổ chống

trời đỡ đất, mặt nhật bắn rùng san hô, biết tâm hay có mấy”. Xong Sư gõ vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

5. Thiền sư Đàm Quảng ở Long bàng.

Thiền sư Đàm Quảng - Thánh thọ ở Long bàng tại Trừ châu. Có vị Tăng hỏi: “Sư xướng hát khúc nhạc ai, Tông phong ấy ai người nối dõi?” Sư đáp: “Đầu núi Dương Quảng mây ngàn ngụt, bờ am hoa nguyệt bách xanh xanh”. Lại hỏi: “Thế nào là Địch tử của Đầu tử, cháu chất của Đại dương?” Sư đáp: “Chưa đập gậy trâu sắt như mưa giọt”. Lại hỏi: “Ngày nay đã biết đầu mối đích xác chăng?” Sư đáp: “Mặc tình gạch địch đánh chọi ngoái sỏi”.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIÊN SƯ HẠO Ở NGỌC TUYỀN.

1. Thiền sư Văn Khánh ở Lâm Khê.

Thiền sư Văn Khánh - Hưng giáo ở Lâm Khê tại Dĩnh châu, lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Sáu lần sáu là ba mươi sáu. Đông phương thiên can giáp ất thuộc hành mộc. Tượng lớn Hỷ châu ra ải lại, trâu sắt Thiểm phủ vào Tây thực. Tham”.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIÊN SƯ TUÂN Ở GIÁP SƠN.

1. Thiền sư Tín ở Phước xướng.

Thiền sư Tín ở Phước xướng tại Giang lăng. Có vị Tăng hỏi: “Một hoa nở năm cành, thế nào là cành thứ nhất?” Sư nâng chiếc tọa cụ lên. Lại nói: “Mây mọc mảnh mảnh, mưa giọt lâm râm”. Sư bảo: “Không đau không biết thương”. Lại nói: “Cái ấy còn là ý gió sinh mưa, thế nào là cành thứ nhất?” Sư nắm tọa cụ phẩy một cái. Vị Tăng ấy vỗ tay, Sư bảo: “Mặc tình nhảy nhót”. Lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Con trai nhà Đông con gái nhà Tây”. Lại nói: “Người học không hiểu?” Sư bảo: “Ném bút vất thoa”. Có lúc lên giảng đường, Sư kêu gọi đại chúng, đại chúng ngẩn đầu, Sư bảo: “Nam sơn gió gấp”. Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIÊN SƯ NGUYÊN Ở PHẬT ẨM.

1. Thiền sư Tịnh Ngộ ở Khánh thiện.

Thiền sư Tịnh Ngộ ở viện Khánh thiện - Bách trượng tại phủ Lâm an. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư bảo: “Hỏi ai?” Lại nói: “Đặc hỏi Hòa thượng: Chim dao qua Tân La”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nói thì lay môi, đi thì động cẳng. Ngay lúc không nói không đi thì sai nhầm sai nhầm”. Xong, Sư vỗ vào thiền sàn một cái và xuống

khỏi tòa.

2. Thiên sư Tuệ Thái ở Thiện quyền.

Thiên sư Tuệ Thái ở Thiện quyền tại Thường châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Chư Phật xuất hiện nơi đời, rộng giảng nói giáo pháp ba thừa. Tổ sư Đạt-ma từ Tây vực lại kín truyền Đại sư. Các bậc Thượng căn thì ngay lời nói bèn chóng vượt qua. Với hàng Trung căn thì phải dần dần tỏ sáng tâm địa, hoặc một lời xướng đạo, hoặc ba câu xiển dương, hoặc khéo léo ứng cơ bèn thành nhiều nghĩa, gồm tóm cốt yếu tất cả đều là hoa đốm hư không, một câu cùng nguồn, chôn lấp Tổ đạo. Dám hỏi các người một câu làm sao sống là y theo thời và tiết?” Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: “Mây móng nhạt sông Hán, mưa thưa giọt ngô đồng. Tham”.

3. Thiên sư Đức Cơ ở Sùng phước.

Thiên sư Đức Cơ ở Sùng phước tại Nhiều châu. Lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nếu ở trong đó mà hiểu được bèn có thể vào trong một cõi nước Phật, ngồi một Đạo tràng, chim nước cây rừng cùng đàm nói cốt yếu ấy, lâu đài điện các cùng diễn giảng chân thừa, tiếp nối đèn đuốc ngàn Thánh chẳng dứt, soi chiếu sáng rực cả tám mặt không riêng tư. Do đo nói ở tại cõi trời đồng với trời, ở cõi người đồng với người. Lại còn có người biết tiếng ư?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Quạ vàng đáy nước là mặt nhật trên trời, trông người trong mắt là người trước mặt”.

4. Thiên sư Hoài Cát ở Bảo lâm.

Thiên sư Hoài Cát - Chân Giác ở Bảo lâm tại Vụ châu. Lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Di phong của Thiện Tuệ dài năm trăm năm, mây vàng sắc núi vẫn y nhiên, mà nay Tổ khiến thực hành lại, một câu lưu thông khắp đại thiên đại chúng hãy nói là câu gì? Chẳng là hộp đậy đất trời, cắt đứt các dòng theo gợn đuổi sóng đến cùng ư? Hồng. Có gì giao thiệp. Từ khi có Phật Tổ trở lại chưa từng động đến, ngày nay không thể bài tiết cơ thật đi vậy”. Sư ngoáy trông nhìn đại chúng một lược rồi tiếp bảo: “Nếu đến các phương thì không được cử thổ”.

5. Thiên sư Tông Tú ở Tư phước.

Thiên sư Tông Tú ở Tư phước tại Hồng châu. Lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ngày nay Long Tuyên cùng các ông nói về dây sấn leo một ít”. Ngừng giây lát, Sư bảo: “Trên cành dây sấn lại sinh mầm vương vít”.

6. Thiên sư Huệ Không ở Thúy nham.

Thiên sư Huệ Không - Quảng Hóa ở Thúy nham tại Hồng châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đạo?” Sư đáp: “Ruộng hoang chẳng chọn”.

Lại hỏi: “Chẳng tiện là nơi Hòa thượng vì người ư?” Sư đáp: “Lường tài năng mà bỏ nhậm chức phận”. Có lúc Sư dạy bảo đại chúng rằng: “Hôm qua trời mưa lâm râm, sáng nay trời tỏ sáng, Văn Thù cùng Phổ Hiền toàn thân vào cỏ hoang, nhờ được Vương Lão sư đem lại ngủ dậy sớm”. Sư nắm cây gậy dậy và tiếp bảo: “Lại, lại, chẳng thấy đường xuân không ba ngày tạnh”. Xong Sư xuống tòa.

7. Thiền sư Đức Phổ ở Mật nham.

Thiền sư Đức Phổ - Tịnh Độ ở Mật nham tại Nhiêu châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh của Mật nham?” Sư đáp: “Trên đầu Phù dung gió trong mát nổi”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Mưa móc tăng thêm phía trước, cù già miền quê ngâm ca”. Lại hỏi: “Việc hưởng thưởng Tông thừa chỉ bày như thế nào?” Sư đáp: “Âm mới hòa điệu với khúc nhạc cổ, cái nào là biết tiếng?”

8. Thiền sư Trọng Hòa ở Vân cư.

Thiền sư Trọng Hòa ở núi Vân cư tại Nam khương quân, có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Nơi hỏi đã rõ ràng”. Lại nói: “Đêm về từng trúc nổi gió trong mát, thổi tan mây rặng vài ba câu”. Sư bảo: “Tạm chớ soang soảng dính Lộ trụ”. Vị Tăng ấy lễ bái trở về trong chúng, Sư thở dài một hơi.

9. Thiền sư Ấu Tông ở Đồng an.

Thiền sư Ấu Tông - Sùng Thắng ở Đồng an tại Lô sơn. Lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy mà dạy đại chúng rằng: “Cây gậy đây là thể”. Sư gõ xuống thiền sàn một cái và tiếp bảo: “Cái ấy là dụng, ngay đây, cao thấp đều thấy xa gần đều nghe. Chánh ngay lúc nào hãy nói là phân hay chẳng phân?” Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: “Liễu lật hoành khiêu Hoa tạng giới, trên bàn tay Duy-ma chưa lấy làm nhiều”. Xong, Sư xuống khỏi tòa.

10. Thiền sư Cư Nhạc ở Long hưng.

Thiền sư Cư Nhạc ở Long hưng tại Viên châu. Có vị Tăng hỏi: “Sư xướng hát khúc nhạc nhà ai, Tông phong ấy ai người nối dõi?” Sư đáp: “Từ sau khi Tổ sư Đạt-ma phân dòng muôn phái đều kết quy về một nhà”. Lại hỏi: “Người học chưa hiểu, xin Sư chỉ bày?” Sư đáp: “Nhóm tập dưới núi bốn cành dây leo”.

11. Thiền sư Tử Chương ở Vạn sam.

Thiền sư Tử Chương ở Vạn sam tại Lô sơn. Có vị Tăng hỏi: “Đạo An Thái chẳng truyền lệnh Thiên tử, thời bình cùng xướng khúc ca Thái bình. Vậy thế nào là khúc ca Thái bình?” Sư đáp: “Mây tan, Nhật nguyệt tỏ, tuyết sạch đất trời xuân”. Lại hỏi: “Thế nào thì mưa rười

ngàn núi đẹp, gió động cành muôn năm?” Sư đáp: “Sông Tinh Hà rộng liền trời biếc, núi Ngũ lão thoáng cùng vũ trụ”. Lại hỏi: “Thầy trò lúc chưa thấy gặp thì như thế nào?” Sư đáp: “Định Quang đất vàng xa vẫy tay”. Lại hỏi: “Sau khi đã thấy gặp thì thế nào?” Sư đáp: “Định ngôi vị tôn ty”.

12. Thiên sư Đức Diên ở Nga hồ.

Thiên sư Đức Diên - Nhân Thọ ở Nga hồ tại Tín châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh của Nga hồ?” Sư đáp: “Một hồ sâu thăm nước xuân sắc biếc. Một vài Tiên nga ngoài trời trở về”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Tiếng tùng lại khách ngồi, áo người trên núi xanh”. Và Sư mới bảo: “Các miệng đều lại phát hỏi đầu mối, một điểm giữa không muốn trả lời nạn, mà nay đại nghĩa tuyên lại, xả lấy lông mày thăm mặt xem”. Xong, Sư đứng giây lâu.

- ĐỆ TỬ NÓI DỐI THIÊN SƯ YẾU Ở QUẢNG NHÂN.

1. Thiên sư Như Xán ở Diệu phong.

Thiên sư Như Xán ở Diệu phong tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Sáng nay là tiết Đức Như Lai giảng sinh. Các hàng Tăng sĩ khắp trong thiên hạ không đâu chẳng dùng nước ấm hương thơm tắm gội tôn tượng cùng báo đáp hồng ân. Vì sao giáo điển nói “Như Lai là không từ đâu lại”. Đã là không từ đâu lại, vậy không biết giảng sinh ấy là ai? Thử xin nói xem. Nếu nói được thì ân ấy tự báo, nếu nói không được thì ngày mồng 08 tháng 04 năm sau lại là bổng đứng tưới đầu”.

- ĐỆ TỬ NÓI DỐI THIÊN SƯ DẬ Ở TRÍ HẢI.

1. Thiên sư Chí Nhân ở Hoàng nghịệt.

Thiên sư Chí Nhân ở Hoàng nghịệt tại Thụy châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là câu đắc lược?” Sư đáp: “Cẳng chân”. Lại hỏi: “Người học không hiểu”. Sư đáp: “Một bước tiến một bước”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Suốt bốn mươi chín năm giảng thuyết ân đượm nhuần chim cá, đường đi dài mười vạn, cảnh ngộ cả trời người. Hai Lão tài giỏi ấy mỗi người khéo nên cho ba mươi gậy, cớ sao một cái nói dài nói ngắn, một cái lời Hồ tiếng Hán? Tuy là như vậy, nhưng tạm tha qua một lược”.

2. Thiên sư Đức Long ở Đại trung.

Thiên sư Đức Long - Hải Ấn ở Đại trung tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Pháp không khác pháp, đạo không khác đạo,

luôn luôn gặp thấy Đức Thích-ca, nơi nơi khua nhằm Tổ Đạt-ma, buông bước tức giao mày, mở miệng tức cắn phá, chẳng cắn phá lớn nhỏ lớn”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Phàm muốn trí tuệ nổi tỏa, trước phải an định mọi giao động”. Xong, Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: “An-lô-tô Tất-lợi Sa-bà-ha”, rồi Sư trở về nhà uống trà. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Xúc cảnh không ngưng trệ, vì gì nâng đầu không dậy? Đất ruộng ẩn mật, vì gì đặt cẳng chân xuống không được? Thí như Thiên vương ban tặng cho phòng nhà hoa quý, tuy được vườn lớn cốt yếu phải nhân từ cửa mà vào. Mới nói: Cửa bít, phân rộng đập mở chủ thật ra, linh lớn nâng tay lưới gấm phun. Tham”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Người nào lúc sáng sớm giờ Dần, nơi nơi Phật Di-đà, nhà nhà Quán Thế Âm. Trong trăng kỳ lân xem Bắc đẩu, hưởng dương về tử một bên xanh”.

3. Thiên sư Trọng Dự ở Bạch lộc.

Thiên sư Trọng Dự ở núi Bạch lộc tại Phước châu. Ngày khai đường giảng pháp, sau khi hỏi đáp đã xong, Sư mới bảo: “Giả sử trong lời biện rõ Tăng cơ trong câu, ý nghĩ tư duy đan xen rong ruổi đồng đều dăng sóng, cơ sao đạo của Tổ ta đâu có như vậy? Nếu là bậc Thượng căn riêng bước giữa trời xanh gặp cơ đại dụng, nắm dừng từng giọt chẳng rỉ, buông đi mới là sóng vọt ngàn sông, ngồi đất toàn oai, vách dựng ngàn nhận, được chẳng anh linh tự mình mang đội tông phong, ngay nhiều gì cũng chưa xứng với nạp Tăng. Hãy nói nạp Tăng có cái kỳ đặc gì?” Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: “Thu sâu rèm màn ngàn nhà mưa, mặt nhật rơi lâu đài một khúc gió sáo”. Xong Sư xuống khỏi tòa.

4. Cư sĩ Thiêm phán Lưu Kinh Thần.

Cư sĩ Thiêm phán Lưu Kinh Thần, tự là Hưng Thiều, thuở thiếu thời có tài trội vượt, Cư sĩ đăng danh Quan bảng, đối với Phật pháp còn chưa có niềm tin. Năm ba mươi hai tuổi, gặp Thiên sư Tổng - Chiếu Giác ở đông lâm cũng trò chuyện dẫn dắt, Cư sĩ mới kính phục. Nhân đó tâm say mùi Tổ đạo. Thế rồi, đến chốn Kinh đô, bá yết Thiên sư Xung ở Tuệ lâm, khi ấy có vị Tăng hỏi Tuyệt Đâu thế nào là bản nguyên của chư Phật? Sư đáp: Sắc lạnh cả ngàn núi, ngay lời nói ấy mà Cư sĩ có sự tỉnh ngộ. Qua hơn năm sau, lại làm quan tại Lạc mạc, Cư sĩ lại đến tham yết Thiên sư Cảo tại Thiều sơn. Lúc sắp dời nhậm chức khác, Cư sĩ đến giả biệt Thiên sư Cảo. Thiên sư Cảo bảo: “Ông dụng tâm như vậy, sao lại buồn không tỏ ngộ?” ngày sau hoặc có cảnh giới phi thường có vô lượng điều hoan hỷ. Nên gấp thâu thập được đi bèn thành pháp khí, nếu thâu thập không được thì có tật bệnh không an mà cảm mắc hoạn mất

tâm vậy”. Sau đó không bao lâu, Cư sĩ lại đến kinh đô, vào nương tựa Thiền sư Dật - Chánh giác ở Trí Hải, thỉnh hỏi về nhân duyên. Thiền sư Dật bảo: “Người xưa nói: Tâm bình thường là đạo, trong suốt mười hai thời khắc ông phóng quang động địa chẳng tự nhận biết, hưởng ngoại rong ruổi tìm cầu, chuyển dần xa ra”. Cư sĩ càng thêm nghi ngờ chẳng hiểu. Một đêm nọ vào thất, Thiền sư Dật nêu trong sách Truyền đăng có ghi chép là “Quốc Vương Hương Chí đến hỏi Tôn giả Ba-la-đề: “Thế nào là Phật?” Tôn giả đáp: “Kiến tánh là Phật”, đề hỏi Cư sĩ, Cư sĩ không trả lời được, tâm nghi ngờ càng thêm lên, bèn trở về nằm ngủ. Ngủ say mãi đến trống canh năm khua động, tỉnh giấc Cư sĩ mới nghĩ nhớ đuổi theo câu hỏi ấy, bỗng nhiên thấy các thứ tướng khác lạ thấu triệt cả trong ngoài, sáu căn chấn động, đất trời xoay quanh, như mây tan trắng tỏ, mừng chẳng thể tả, bỗng dưng mới nhớ được lời dạy răn của Thiền sư Cảo ở Thiều sơn lúc giả biệt. Hằng cố đề nén đợi đến sáng, Cư sĩ vào ngay nơi Thiền sư Dật tỏ bày tất cả sở đắc của mình. Thiền sư Dật vì chứng cứ đó mà bảo là: “Lại phải dụng được mới được”. Cư sĩ nói: “Chẳng là cốt yếu phải giẫm giày ư?” Thiền sư Dật gắt lời bảo: “Cái ấy là việc gì mà nói là giẫm giày?” Cư sĩ bèn im lặng thâm khế ngộ, mới trước thuật “phát minh tâm địa tụng” gồm tám bài, và “Minh đạo dụ Nho thiên” để cảnh răn người đời, văn từ viết là:

“Minh Đạo ở tại kiến tánh, sở ngộ của tôi là kiến tánh mà thôi”. Mạnh Tử nói: “Miệng đối với mùi vị, mắt đối với cảnh sắc, tai đối với âm , mũi đối với mùi thơm. Tứ chi đối với An dật mà làm tánh”. Dương Tử nói: “Thấy nghe ngôn từ dung mạo tư duy tánh vốn có. Có thấy ở đây thì hay rõ Đạo vậy”. Phải biết Đạo chẳng xa người. Người đối với đạo như cá đối với nước chưa từng xa lìa trong khoảnh khắc chỉ vì mê quên lãng mình rong đuổi theo vật, nên trọn đời do đó mà chẳng thể biết. Phật gọi là Đại giác, Nho gọi là Tiên giác, chính là Giác (tỏ biết) cái này vậy. Người xưa có nói là “xưa nay nên không rời lạc, rõ ràng tại trước mắt”. Lại nói: “Đại đạo chỉ tại trước mắt. Cốt yếu là trước mắt mà khó thấy. Muốn biết được thật thể của Đại đạo, chẳng lìa nơi sắc ngữ ngôn”. Lại nói: “Đêm đêm ôm Phật ngủ, mỗi sáng cùng Phật dậy. Dậy ngã trần cùng theo, nói nín đồng từng ở, muốn biết nơi Phật đi, chỉ nói tiếng ấy vậy”. Tiếng Phật nói đây là rất thân gần. Đứng thì thấy cùng tham phía trước. Ở kiệu thì thấy tựa tại đôn ngang, trông nhìn thì tại trước, bỗng nhiên hiện ở sau. Lấy đó, hai bên gặp được nguồn. Nói đạo của Nho ở đây rất gần. Cớ sao Đạo đây chỉ có tâm truyền? Bởi chẳng lập văn tự, Đức Thế Tôn như năm cành hoa mà diệu tâm trao truyền

Tôn giả Ca-diếp, Tổ sư Đạt-ma xoay mặt vách tường mà Tông yếu trao cho Thần quang. Sáu cành đã nở, ngàn hoa đua xinh, phân Tông sắp phái mỗi tự có môn phong. Nêu hoặc nháy mắt dương mày, chống nắm chỉ chỗ, hoặc thực hiện bằng đánh gậy, bằng la hét, dựng đứng phất trần nắm lấy cái dùi, hoặc nắm kéo tay trương cung trục cầu mua hát, hoặc chọi đá ném đất, đánh trống thổi lông, hoặc một chấm một lời, một kêu gọi, một nụ cười, cho đến các thứ phương tiện đều là thân thiết vì người. Nhưng chỉ vì rất thân gần nên con người phần nhiều sai lầm, liếc nhìn trông thấy chẳng cách biệt mảy may. Đó hoặc như là trầm ngâm xa vời muôn dặm, người muốn rõ đạo nên không bắt chợt. Tổ tổ tương truyền mãi đến nay không dứt tuyệt, thật đặc với Nho giáo ta chỗ gọi là phần giận mà chẳng mở phát mà chẳng trái đó vậy. Tôi có được, thật tại môn này, trở lại nghĩ Nho giáo tôi tự có đạo ấy. Tốt lành thay! Khổng Tử nói là “im lặng mà biết đó suốt cùng nhất quán, nên mắt đánh mà đạo còn, chỉ lòng bàn tay mà ý dụ. Phàm được như vậy đều hợp với diệu chỉ của Tông môn, đặc thật có của giáo ngoại. Nhưng mà đạo của Khổng Tử truyền đến Tử Tư, Tử Tư truyền đến Mạnh Tử, Mạnh Tử đã qua đời, không ai được truyền đạo ấy mà sở dĩ lưu truyền nơi đời là đặc biệt do từ văn tự vậy. Nên học của tôi hẳn câu tự đặc mà sau đã. May tôi trong một đêm được khai ngộ. Phàm mọi sự mắt thấy, mọi điều tai nghe, mọi sự tâm suy tư, mọi lời đàm nói, mọi cử chỉ vận động của tay chân không gì chẳng là huyền diệu. Đạt được đó đã lâu, ngày càng thấy rõ trước mắt, thường đem cho người mà người chẳng thể nhận. Nhưng về sau, biết diệu đạo ấy quả thật chẳng thể dùng văn tự để lưu truyền. Than ôi! Là đạo. Có người ấy thì truyền, không người ấy thì tuyệt, tôi đã được đó vậy. Ai tự biết đó ư? Trọn đời tôi mà có người ấy chẳng? Hoặc không có người ấy chẳng? Do Bất khả đắc mà biết vậy, nên vì ghi lời tụng ca để lưu bá việc ấy và trước thuật Thiên này để khuyến dụ học trò của Tôi vậy”.

- ĐỆ TỬ NỐI DÔI THIÊN SƯ LONG Ở CHI ĐỀ.

1. Thiên sư Huyền Bản ở Linh ẩn.

Thiên sư Huyền Bản ở Linh ẩn tại Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: “Lúc con trai ngậm miệng chưa mở thì thế nào?” Sư bảo: “Ánh sáng từ đâu lại?” Lại hỏi: “Lâm Tế, vào cửa bèn hét. Đức Sơn, vào cửa bèn đánh. Ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Trời tạch chẳng chịu đi”. Có lúc, Sư thấy vị Tăng đang xem kinh, bèn hỏi: “Ông xem kinh gì vậy?” Vị Tăng ấy im lặng không trả lời. Sư mới dạy răn bằng bài tụng rằng:

“Xem kinh chẳng biết kinh, luống nhọc mắt trông mắt. Muốn được không hại mắt, rõ ràng biết lấy kinh”.

ĐỆ TỬ NỐI DỐI THIÊN SƯ TỔ Ở TỊNH ĐỘ.

1. *Thiên sư Duy Chính ở Tịnh độ.*

Thiên sư Duy Chính ở viện Tịnh độ tại Hàng châu, vốn người dòng họ Hoàng ở Hoa đình tại Tú châu. Từ thuở bé, Sư nương theo Thiên sư Bản Như ở viện Tư Thánh tại Tiền đường xuất gia thọ học, đến lúc sắp kiểm xét nghề ở Hữu ty, Thiên sư Bản Như bảo Sư đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm đề cầu nguyện thâm gia hộ. Sư cảm tạ mà nói là: “Há nhẫn riêng tư đối với mình ư?” có Chu Thiệu An là người trong quận nghe thế mà càng thêm thán phục, muốn mở kho mà giúp Sư. Sư bùi ngùi mà nói là: “Xưa kia độ giúp người là lấy sự cơ căn bạch, yếu chỉ kín mầu, ngày nay trái lại với xưa xa vời. Tôi đọc trong Tam bảo, số đáng có thời ấy rồi, mà gặp điềm lành ân ban được hợp chí nguyện. Riêng mang áo bào lông quạ tạm che, đồng liệt thong thả đó”.

Sư nói: “Phật ư? Phật ư? Nghi tưởng thế nào ư? Tăng ư? Tăng ư? Thanh phục thế nào ư?” Về sau, Sư có nguyện chuyển vận phụng sự qua thời gian dùng độ giúp tiếp thêm công việc của viện, Sư cũng lại cảm tạ rằng: “Chỉ nghe mang bát khát thực, chưa nghe ngồi yên để hưởng. Chỉ nghe bái yết các Tổ, chưa nghe bỏ học tự đảm đan. Hướng gì tôi đây tuổi đang khỏe mạnh khí lực sung túc, chánh tại gắng sức hành lễ, chẳng theo việc riêng của am thất vậy”. Từ đó, Sư mang sách trượng dẫn hướng phương Đông, đến học Tam quán ở Thiên thai. Lại xoay trở đi đường núi, tiếp buông phóng riêng truyền cho ý chỉ từ Lão Túc Duy Tổ. Thiên sư Duy Tổ ở viện Tịnh độ tại núi Công thần thuộc Đồng làm an, Sư phụ giúp cùng đó và về sau kế thừa pháp tịch. Nhưng Sư là bậc cao nhân đơn giản, giới luật nghiêm thân. Các vị tiếng tăm trong làng xóm, các bậc công thần phần nhiều đều suy tôn.

Có Diệp Nội Hàn Thần Mục Trấn Kim Lăng nghinh thỉnh Sư giảng nói đạo. Một ngày nọ, Diệp thưa rằng: “Ngày mai tại phủ có yến hội, Sư hẳn là người phụng trì giới luật, nhưng có thể vì tôi lưu lại một ngày thực tình đàm nói bạch chẳng?” Sư vâng nhận lời đó. Hôm sau, Diệp sai Sứ thỉnh mời Sư, Sư lưu lại một bài kệ tụng mà trở về, ghi rằng:

*“Hôm qua từng hứa hẹn ngày nay
Ra cửa tựa cảnh lại nghĩ suy
Làm Tăng chỉ hợp ở hang cốc*

Hội vui Quan sĩ thật chẳng hay”.

Các khách cùng dự yến hội thả đều kính ngưỡng tiêu đích đó. Sư nhận thức tư lự trong sạch chẳng mang thế lụy. Nhã mẫn vượt qua Hoàng Độc, ra vào Quân trí, khăn bát đều máng treo trên sừng, mọi người phố chợ đua tranh trông nhìn mà Sư vẫn tự nhiên. Có Hàng Thủ Tương Thị Lang cùng Sư kết bạn phương ngoài. Mỗi lần đến bãi yết quận đình xuống Hoàng Độc đàm luận cười nói trọn ngày rồi mới đi. Tương có bài thơ rằng:

*“Thiền khách bình thường vào đô cũ
Trên sừng trâu vàng treo bát khăn
Có lúc mang tuyết xuyên mây đi
Khéo hòa cùng mây họa thành tranh”.*

Sư cũng từng làm những bài kệ ở trong núi rằng:

*“Trên cầu núi muôn tầng
Dưới cầu nước ngàn dặm
Chỉ có cò trắng liệng
Thấy ta thường lại đây”.*

Lúc bình sinh, Sư trước thuật có cả ba mươi quyển, đề hiệu là “Cẩm Khê Tập”. Sư lại là người khéo giỏi bút pháp trác tuyệt, có Tần Thiều Du rất trân quý cất giữ đó. Mùa Đông Sư chẳng ôm sưởi lò lửa, chỉ lấy Lô hoa làm áo nạp lông thường chân trong đó, khách đến ở lại cũng cùng chung vậy. Mùa hạ mùa thu, Sư vui thích thưởng ngoạn vầng trăng, dùng mâm bàn sơn lớn đặt chén nổi trên hồ, tự xoay chuyển chén ấy ngâm cười mãi đến sáng, lấy đó làm chuyện thường. Có Thiền sư Thiều ở Cửu Phong thường là khách đến ở lại viện Sư. Một đêm nọ cùng nằm trò chuyện, Sư mới khơi dậy Thiền sư Thiều rằng: “Sắc trắng như thế, nhọc sống phiền nhiều, đối đáp đó có được bao người?” Thiền sư Thiều chỉ dạ, dạ mà thôi. Giây lâu, Sư gọi Đồng tử đem lửa, Thiền sư Thiều mới khát ý làm Dực thạch, chỉ khoảnh khắc là có cốc nước ấm vỏ quật, Thiền sư Thiều nín cười, nói: “Không là Thái ư?”

Có người hỏi: “Sư lấy tên là Thiều sư, cơ sao mà chẳng đàm nói về Thiều?” Sư đáp: “Nhọc phí ngôn từ. Tôi biếng lưỡi, sao mượn khúc chiếc. Chỉ đêm ngày phiền nhiều muôn tượng vì phu diễn vậy. Ngôn ngữ có khoảng thời gian mà pháp đây thì vô tận, chỗ gọi là tạo vật vô tận tạng vậy”.

Đến ngày mồng 08 tháng 04 năm Hoàng Hựu thứ nhất (?) thời Bắc Tống, Sư bảo cùng đại chúng rằng: Phạm động vì đối với tĩnh, chưa đầu mối có chung cùng. Tôi một lần động đã trải qua sáu mươi bốn

năm, nay đến lúc tỉnh vậy. Nhưng, động tịnh vốn nào có ư?” Khi ấy Sư điềm nhiên mà tịch.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIÊN SƯ THÙ Ở BẢO LÂM.

1. Thiên sư Dụng Minh ở Bảo lâm.

Thiên sư Dụng Minh ở Bảo lâm tại Vụ châu. Có vị Tăng hỏi: “Tam-muội của Đức Thế Tôn, Tôn giả Ca-diếp không biết. Tam-muội của Hòa thượng, có người nào biết?” Sư đáp: “Trâu bùn xuyên qua biển, ngựa gỗ suốt mây về”. Lại hỏi: “Thế nào là người học tỉnh hỏi điều lợi ích?” Sư đáp: “Chưa dám cùng hứa”. Vị Tăng im lặng không nói gì. Sư bảo: “Cái thật”

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIÊN SƯ TÔNG Ở ĐỘNG SƠN.

1. Thiên sư Hiểu Tuyên ở Định phong.

Thiên sư Hiểu Tuyên ở Định phong tại Kiến châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vực lại?” Sư đáp: “Mây tan ngàn non biếc”. Lại hỏi: “Lãnh hội như thế nào?” Sư đáp: “Mưa rửa trăm hoa xinh”. Lại hỏi: “Người học từ trước lại tỉnh câu Sư chỉ bày?” Sư đáp: “Sông lắng trăng đêm thu, gió quét ráng trời sáng”. Lại nói: “Một câu mới nghe lưu thông ngàn xưa”. Sư nói: “Ông làm sao sinh hiểu?” Vị Tăng ấy bèn hét, Sư liền đánh.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

Quyển 10

(Hết)